

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 21/7/2023.

V/v tranh chấp về đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Viết Cẩm.

2. Ông Lê Văn Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 512/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Như Q, sinh năm 1992;

Địa chỉ: số 12 Đội Cấn, phường 8, thành phố V, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Quân L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số 26, ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1953;

Địa chỉ: số 26, ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đ

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà Q, ông L, ông S và bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Như Q trình bày:*

Vào khoảng tháng 8/2021 ông Phạm Quân L có vay của bà một khoản tiền tổng cộng là 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng) để làm ăn và hứa đến ngày 16/9/2021 sẽ hoàn trả lại cho bà, bà đồng ý vì bà và ông L có mối quan hệ bạn bè từ lâu. Giữa bà và ông L không lập hợp đồng vay bằng văn bản nhưng bà có chuyển số tiền ông L vay vào các tài khoản của người thân thích của ông L cụ thể:

Ngày 26/8/2021 bà chuyển 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 5904205001456 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là ông Phạm Hồng S là bố đẻ của ông L.

Ngày 27/8/2021 bà chuyển 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 5904205001456 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là ông Phạm Hồng S.

Ngày 29/8/2021 bà chuyển 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 5904205001456 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là ông Phạm Hồng S.

Ngày 31/8/2021 bà chuyển 6.000.000đ (sáu triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 5904205001456 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là ông Phạm Hồng S.

Ngày 02/9/2021 bà chuyển 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 5904205001456 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là ông Phạm Hồng S

Ngày 13/9/2021 bà chuyển 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 4705205179335 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị H, bạn gái ông L.

Ngày 15/9/2021 bà chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng) từ số tài khoản của bà là 0281000352880 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thuận An vào số tài khoản số 4705205179335 ngân hàng Agribank chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị H.

Tổng số tiền bà chuyển cho ông L vay là 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng).

Đến nay quá thời hạn trả nợ bà nhiều lần liên hệ ông L để yêu cầu ông L trả lại số tiền vay nhưng ông L không thực hiện.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Quân L hoàn trả lại cho bà số tiền vay là 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/7/2023, với mức lãi suất 10%/năm theo lãi suất ngân hàng là 17.750.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 170.250.000đ (một trăm bảy mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Quân L trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Như Q quen biết với nhau từ năm 2018, vào khoảng năm 2021 bà Q có kể với ông bà Q tham gia tiền ảo với người nước ngoài sau đó bị lừa mất gần 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Sau đó bà Q nhiều lần gọi điện cho ông tìm cách kiếm lại số tiền đã mất. Ban đầu ông từ chối, sau đó đồng ý giúp bà Q. Bà Q đưa vốn cho ông để ông đi cho vay kiếm lời. Từ ngày 26/8/2021 đến ngày 15/9/2021 bà Q chuyển khoản cho ông thông qua tài khoản ngân hàng của ông Phạm Hồng S và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 152.000.000đ (một trăm mười hai triệu đồng) để ông giúp bà Q đi cho vay lại kiếm lời cho bà Q chứ không phải ông vay số tiền trên của bà Q. Sau đó, do con nợ trốn không thu hồi được để trả cho bà Q, do dịch bệnh và là ăn thu lỗ nên ông chưa trả lại cho bà Q được.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng) ông xác nhận, ông đã nhận số tiền này và ông đồng ý sẽ trả lại cho bà Q. Về số tiền lãi bà Q yêu cầu ông không đồng ý vì ông không vay tiền của bà Q, trong số tin nhắn bà Q cung cấp không có tin nhắn nào thể hiện là ông vay tiền.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng S trình bày:*

Ông không phải là chủ tài khoản 5904205001456, ai là người sử dụng số tài khoản trên ông không biết; tất cả các giao dịch liên quan đến số tài khoản trên ông không biết; Phạm Quân L là con trai ông, đã là 01 công dân, là 01 chủ thẻ độc lập chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà là người đứng tên số tài khoản 4705205179335 ngân hàng Agribank, sau khi bà mở tài khoản do không có nhu cầu sử dụng nên bà có đưa cho ông Phạm Quân L thẻ ATM số tài khoản này cho ông L sử dụng. Việc ông L sử dụng số tài khoản này để giao dịch với ai thì bà không biết.

Theo nội dung trong vụ án bà Q chuyển tiền cho ông L ngày 13/9/2021 và ngày 15/9/2021 qua số tài khoản của bà thì bà không biết, bà không biết bà Q là ai, bà Q cũng không thông báo hay liên lạc gì với bà về việc chuyển tiền này.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Q và ông L bà không liên quan nên bà không có ý kiến gì.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quá trình thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy:

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L thanh toán cho bà Q số tiền 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng); không chấp nhận yêu cầu tiền lãi của bà Q.

+ Về án phí đương sự pH chịu theo quy định pháp luật.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn bà Q trình bày, bà có cho ông L vay tiền nhưng không lập hợp đồng vay bằng văn bản, bà có chuyển số tiền vay cho ông L vào các tài khoản của người thân thích của ông L. Bị đơn ông L thừa nhận đã nhận số tiền bà Q chuyển, nhưng không pH là tiền ông vay bà Q. Các tin nhắn trên điện thoại nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện hai bên có giao dịch chuyển tiền, không có nội dung nào thể hiện bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã nhận, nên xác định là tranh chấp dân sự và quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Phạm Quân L có cư trú tại: số 26, ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Q, bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S, bà Hai đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, ông L, ông S và bà H theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách đương sự:

Bà Phạm Thị Như Q là người khởi kiện, ông Phạm Quân L là người bị kiện nên xác định bà Phạm Thị Như Q là nguyên đơn, ông Phạm Quân L là bị đơn.

Đối với ông Phạm Hồng S và bà Nguyễn Thị H là chủ sổ tài khoản mà nguyên đơn, bị đơn có giao dịch thông qua sổ tài khoản này và theo đề nghị của nguyên đơn. Nên Tòa án đưa ông S và bà H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện từ ngày 26/8/2021 đến ngày 15/9/2021 bà Phạm Thị Như Q có chuyển cho ông Phạm Quân L thông qua tài khoản ngân hàng của ông Phạm Hồng S và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng). Bị đơn ông L thừa nhận đã nhận số tiền này và đồng ý trả lại cho bà Q.

Như vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu ông L thanh toán số tiền 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn xác định là tranh chấp về đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật dân sự năm 2015 không pH tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do đó, nguyên đơn bà Q yêu cầu bị đơn ông L thanh toán tiền lãi là 17.750.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là không có căn cứ.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Như Q về tranh chấp đòi lại tài sản đối với ông Phạm Quân L:

Buộc ông Phạm Quân L pH trả cho bà Phạm Thị Như Q số tiền là 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng);

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Như Q về yêu cầu buộc ông Phạm Quân L thanh toán số tiền lãi là 17.750.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của bà Q về đòi lại tài sản là số tiền 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng) được chấp nhận nên ông L pH chịu 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của bà Q về số tiền lãi là 17.750.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) không được chấp nhận nên bà Q pH chịu 887.500đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 165; Khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Như Q tranh chấp về đòi lại tài sản đối với ông Phạm Quân L.

1.1. Buộc ông Phạm Quân L trả cho bà Phạm Thị Như Q số tiền là 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Như Q về yêu cầu buộc ông Phạm Quân L thanh toán số tiền lãi là 17.750.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Quân L pH chịu số tiền 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Như Q pH chịu số tiền 887.500đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.256.250đ (bốn triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004717 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho bà Q số tiền còn lại là 3.368.750đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại